TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

Số:35/2021/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bỉm Sơn, ngày 04 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Trịnh Thị N - sinh năm 1990

Địa chỉ: SN 430 đường T, khu phố 1, phường L, thị xã B , tỉnh T

2/ Anh Lê Văn Đ- sinh năm 1990

Địa chỉ: SN 430 đường T , khu phố 1, phường L , thị xã B , tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trịnh Thị N và anh Lê Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L , thị xã B , tỉnh T . Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay bất hòa. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trịnh Thị N và anh Lê Văn Đ.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Lê Quang H (nam), sinh 22/6/2014. Hai bên thống nhất khi ly hôn, chị N trực tiếp nuôi cháu H , anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ bằng cách chuyển khoản ngân hàng cho chị N trước ngày 15 hằng tháng.

Việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng của các bên

là phù hợp nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và mức cấ p dưỡng nuôi con giữa anh Đ và chị N .

[3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 26 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Lê Văn Đ .

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang H (nam), sinh 22/6/2014 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ(hai triệu đồng)/ tháng, bằng cách chuyển khoản ngân hàng cho chị N trước ngày 15 hằng tháng. Thời cấp dưỡng sẽ tính từ ngày ban hành quyết định này (04/5/2021) cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự chị Trịnh Thị N và anh Lê Văn Đ mỗi người phải nộp 150.000đ(một trăm năm mươi nghìn đồng), hai bên thống nhất chị N nộp lệ phí cho cả hai người.

Chuyển số tiền chị Trịnh Thị N đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2019/0007216 ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B sang phần lệ phí của chị N và anh Đ. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9, Điều 7, 7a Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn
- UBND phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa(Đk 2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Hương